

Ngày soạn: 5/ 3/ 2026

Tiết : 56,57.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 14: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ
(Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.

- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan tới các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

2. Năng lực

- Điều chỉnh hành vi: Đồng tình, ủng hộ những hành vi phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; phê phán những hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

3. Phẩm chất

Có trách nhiệm trong việc đánh giá hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

4. Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận với yêu cầu cần đạt sau: Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật để giúp học sinh hiểu được việc tìm hiểu thực hiện các nội dung của luật pháp quốc tế cũng chính là góp phần thực hiện các quyền con người cơ bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu.

Giới thiệu ý nghĩa của bài học; khai thác trải nghiệm, vốn sống và hiểu biết ban đầu của HS về pháp luật quốc tế để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Nội dung. GV có thể cho HS xem clip về một tuyên bố chung của Hội đồng bảo An Liên Hợp Quốc sau đó yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ

Em hãy nêu tên một văn bản hoặc một quy phạm pháp luật quốc tế mà em biết.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu nhận biết được một số văn bản quy phạm pháp luật mang tính quốc tế thường gặp

- Một văn bản hoặc một quy phạm pháp luật quốc tế mà em biết:

+ Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982

+ Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969

+ Công ước Viên về quan hệ lãnh sự năm 1963...

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV có thể cho HS xem clip về một tuyên bố chung của Hội đồng bảo An Liên Hợp Quốc sau đó yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ

Em hãy nêu tên một văn bản hoặc một quy phạm pháp luật quốc tế mà em biết.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.
GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Do nhu cầu thiết lập hoà bình, an ninh quốc tế, chấm dứt xung đột, bảo đảm quyền con người và phát triển sự hợp tác giữa các quốc gia mà những nguyên tắc cơ bản và những quy phạm pháp luật quốc tế hiện đại đã hình thành và ngày càng phát triển. Việc thiết lập quan hệ giữa các quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, cũng như giải quyết tranh chấp, xung đột giữa các chủ thể đó hiện nay đều phải dựa trên cơ sở các nguyên tắc và các quy phạm pháp luật quốc tế.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm và vai trò của pháp luật quốc tế

a) Mục tiêu.

HS nêu được khái niệm và vai trò của pháp luật quốc tế.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và tình huống trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy cho biết nội dung thông tin trên phản ánh vai trò gì của pháp luật quốc tế.

2/ Theo em, pháp luật quốc tế thể hiện vai trò gì trong vụ việc được nêu ở tình huống trên?

3/ Từ các thông tin và sự hiểu biết của bản thân, em hiểu thế nào là pháp luật quốc tế?

Vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?

c) Sản phẩm.

1/ Nội dung thông tin phản ánh vai trò của luật quốc tế trong điều chỉnh mối quan hệ giữa các quốc gia và là cơ sở để thiết lập các mối quan hệ ngoại giao, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia trên các lĩnh vực của đời sống quốc tế.

2/ Trong vụ việc được nêu ở tình huống, pháp luật quốc tế có vai trò là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia.

3/ Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và tình huống trong SGK để trả lời câu hỏi:</p> <p>1/ Em hãy cho biết nội dung thông tin trên phản ánh vai trò gì của pháp luật quốc tế.</p> <p>2/ Theo em, pháp luật quốc tế thể hiện vai trò gì trong vụ việc được nêu ở tình huống trên?</p> <p>3/ Từ các thông tin và sự hiểu biết của bản thân, em hiểu thế nào là pháp luật quốc tế? Vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết 	<p>1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ</p> <p>a. KHÁI NIỆM PHÁP LUẬT QUỐC TẾ.</p> <p>Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.</p> <p>+ Điều chỉnh quan hệ giữa các quốc</p>

câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

gia hoặc giữa các chủ thể khác của pháp luật quốc tế phát sinh trong các lĩnh vực (chính trị, kinh tế, xã hội,...) của đời sống quốc tế nhằm giữ gìn hoà bình, an ninh, bảo đảm nhân quyền và vì sự phát triển của thế giới.

+ Là cơ sở để thiết lập các mối quan hệ ngoại giao, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia trên các lĩnh vực của đời sống quốc tế.

+ Là cơ sở để giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế

a) Mục tiêu.

HS nêu được các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

b) Nội dung.

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/theo nhóm, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ *Em hãy cho biết, việc các quốc gia tham gia thành lập, xin gia nhập và rút khỏi EU phù hợp với những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế. Vì sao?*

2/ *Theo em, hành vi thực hiện chính sách cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính do Mỹ áp đặt đối với Cuba là sự vi phạm nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế? Vì sao?*

Tích hợp quyền con người

Tích hợp bộ phận với yêu cầu cần đạt sau: Nêu được các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên giúp học sinh hiểu được

Một trong những thành tựu lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 20 là đã tạo dựng được một hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người. Hệ thống này trước hết phải kể đến Hiến chương Liên hợp quốc (1945), Tuyên ngôn Nhân quyền (1948) và hai Công ước quốc tế về quyền con người năm 1966 (Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hoá và xã hội và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị). Bên cạnh đó, hệ thống này còn có hàng trăm văn kiện quốc tế khác được ban hành dưới nhiều cấp độ pháp lý hình thức khác nhau như điều ước, công ước, nghị định thư, hướng dẫn, khuyến nghị... được các quốc gia thừa nhận và tôn trọng.

Đến nay, Việt Nam đã tham gia hầu hết các Công ước quốc tế cơ bản về quyền con người, cụ thể: Công ước về các Quyền Dân sự và Chính trị 1966 (ICCPR), gia nhập ngày 24-9-1982; Công ước về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa 1966, gia nhập ngày 24-9-1982; Công ước về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ 1979, ký kết ngày 29-7-1980, phê chuẩn ngày 17-2-1982; Công ước về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc 1969, gia nhập ngày 9-6-1982; Công ước về Quyền Trẻ em 1989, ký kết ngày 26-1-1990, phê chuẩn ngày 28-2-1990 và hai Nghị định thư bổ sung về trẻ em trong xung đột vũ trang (ký kết ngày 8-9-2000, phê chuẩn ngày 20-12-2001) và chống sử dụng trẻ em trong các hoạt động mại dâm và tranh ảnh khiêu dâm (ký kết ngày 8-9-2000, phê chuẩn ngày 20-12-2001); Công ước về Quyền của Người khuyết tật 2006, ký ngày 22-11-2007 và phê chuẩn ngày 5-2-2015; Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người, ký ngày 7-11-2013 và phê chuẩn ngày 5-2-2015.

c) Sản phẩm.

1/ Việc các quốc gia tham gia thành lập, xin gia nhập và rút khỏi EU phù hợp với những nguyên tắc cơ bản sau: Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia

khác, nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc và nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. Bởi vì: Các quốc gia tham gia đàm phán để thành lập và xin gia nhập EU là phù hợp với các nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác, nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia vì các quốc gia tham gia liên minh để hợp tác với nhau cùng phát triển, các quốc gia thành viên của liên minh đều bình đẳng về chủ quyền với nhau, mỗi quốc gia đều có quyền quyết định tham gia hay không tham gia vào liên minh này trên cơ sở quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. Việc nước Anh xin rút khỏi EU là phù hợp với nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.

2/ Hành vi thực hiện chính sách cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính do Mỹ áp đặt đối với Cuba là sự vi phạm nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác và nguyên tắc quyền bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. Bởi vì, với lệnh cấm vận của Mỹ, các doanh nghiệp của Mỹ và nhiều nước khác không thể thiết lập quan hệ thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá đối với Cuba, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân Cuba.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/theo nhóm, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:</p> <p>1/ <i>Em hãy cho biết, việc các quốc gia tham gia thành lập, xin gia nhập và rút khỏi EU phù hợp với những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế. Vì sao?</i></p> <p>2/ <i>Theo em, hành vi thực hiện chính sách cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính do Mỹ áp đặt đối với Cuba là sự vi phạm nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế? Vì sao?</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp <p>Báo cáo, thảo luận GV triển khai phân báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung.</p> <p>Kết luận, nhận định GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận: Tất cả các quốc gia khi thiết lập quan hệ với các quốc gia khác trên các lĩnh vực của đời sống quốc tế đều phải dựa trên cơ sở và tuân thủ các nguyên tắc này.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế. + Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình. + Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. + Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác. + Nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. 	<p>2. CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ</p> <p>Pháp luật quốc tế có các nguyên tắc cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế. + Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình. + Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. + Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác. + Nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. + Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. + Nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế.

- + Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.
- + Nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia

a) Mục tiêu.

HS nêu được mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.

b) Nội dung.

GV yêu cầu HS đọc thông tin, làm việc cá nhân/theo nhóm để trả lời câu hỏi trong SGK:

1/ Theo em, các thông tin trên đề cập tới mối quan hệ nào giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia? Mối quan hệ đó được biểu hiện như thế nào?

2/ Từ các thông tin trên, em hãy nêu khái quát tác động qua lại giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia và cho ví dụ minh họa.

c) Sản phẩm.

1/ Các thông tin trên đề cập tới mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia. Mối quan hệ đó được biểu hiện như sau: quy định trong Công ước về Ấn định lương tối thiểu năm 1970 của Tổ chức Lao động Quốc tế là cơ sở để Nhà nước Việt Nam xây dựng các quy định trong Bộ luật Lao động của Việt Nam, bảo đảm cho các quy định trong Bộ luật Lao động của Việt Nam phù hợp, không trái với quy định trong Công ước về Ấn định lương tối thiểu năm 1970 của Tổ chức Lao động Quốc tế. Ngược lại, việc nội luật hoá các quy định của WTO và sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định trong các đạo luật của nước ta cho phù hợp với quy định của tổ chức quốc tế này đã góp phần mở rộng thêm phạm vi điều chỉnh, tầm ảnh hưởng và thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế.

2/ Pháp luật quốc tế và luật quốc gia có quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau. Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin, làm việc cá nhân/theo nhóm để trả lời câu hỏi trong SGK:</p> <p>1/ Theo em, các thông tin trên đề cập tới mối quan hệ nào giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia? Mối quan hệ đó được biểu hiện như thế nào?</p> <p>2/ Từ các thông tin trên, em hãy nêu khái quát tác động qua lại giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia và cho ví dụ minh họa.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp <p>Báo cáo, thảo luận GV triển khai phần báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung.</p> <p>Kết luận, nhận định GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận:</p>	<p>Dự kiến sản phẩm</p> <p>3. MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ LUẬT QUỐC GIA</p> <p>Pháp luật quốc tế và luật quốc gia có quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau.</p> <p>Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế.</p> <p>Luật quốc gia tạo cơ sở cho sự hình thành và góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế. Quy định trong các đạo luật của quốc gia phải phù hợp. không được trái với quy định của pháp luật quốc tế.</p>

Pháp luật quốc tế và luật quốc gia có quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau. Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế. Luật quốc gia tạo cơ sở cho sự hình thành và góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế. Khi các chủ thể có thẩm quyền thực hiện việc đàm phán, kí kết, phê chuẩn, gia nhập điều ước quốc tế trong lĩnh vực nào đó theo quy định của luật quốc gia thì có thể làm hình thành thêm các quy phạm pháp luật quốc tế mới và mở rộng phạm vi điều chỉnh, tầm ảnh hưởng của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực đó

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết nhận định nào dưới đây phù hợp với khái niệm pháp luật quốc tế. Vì sao?

a. Pháp luật quốc tế là hệ thống các quy phạm pháp luật được các quốc gia thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

b. Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế. - HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về quyền, nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

a) Mục tiêu. HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá. Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1 trong SGK.

HS làm việc cá nhân, nghiên cứu trường hợp và viết câu trả lời vào giấy nháp hoặc phiếu học tập.

Em hãy cho biết nhận định nào dưới đây phù hợp với khái niệm pháp luật quốc tế. Vì sao?

c) Sản phẩm.

Đáp án đúng: b. Pháp luật quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật được các quốc gia và chủ thể khác của luật quốc tế thoả thuận xây dựng nên trên cơ sở sự bình đẳng và tự nguyện để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa các quốc gia và các chủ thể đó trong mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1 trong SGK.

HS làm việc cá nhân, nghiên cứu trường hợp và viết câu trả lời vào giấy nháp hoặc phiếu học tập.

Em hãy cho biết nhận định nào dưới đây phù hợp với khái niệm pháp luật quốc tế. Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2: Em hãy phân tích vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện qua thông tin dưới đây.

Công ước Viên năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (CISG) quy định hình thức của hợp đồng mua bán có thể bằng văn bản hoặc telex hoặc điện tín. Phù hợp với quy định này, Luật Thương mại năm 2005 của nước ta quy định: “Mua bán hàng hoá quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương” (khoản 2 Điều 27). Dựa vào các quy định của hai văn bản trên, Công ty A của Việt Nam đã kí hợp đồng mua bán gạo bằng văn bản với Công ty B của Philippines.

a) Mục tiêu. HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trước những vấn đề liên quan đến những nội dung cơ bản của Luật quốc tế

b) Nội dung. GV yêu cầu HS đọc thông tin, làm việc cá nhân/theo nhóm để xác định vai trò của pháp luật quốc tế thể hiện qua thông tin.

Em hãy phân tích vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện qua thông tin dưới đây.

c) Sản phẩm.

Thông tin trên thể hiện vai trò của pháp luật quốc tế trong việc điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia phát sinh trong lĩnh vực kinh tế và là cơ sở để thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực kinh tế vì sự phát triển của thế giới.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc thông tin, làm việc cá nhân/theo nhóm để xác định vai trò của pháp luật quốc tế thể hiện qua thông tin.

Em hãy phân tích vai trò của pháp luật quốc tế được thể hiện qua thông tin dưới đây.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

Kết luận, nhận định

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

Câu 3: Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

a. Sau hàng chục năm có xung đột vũ trang với nhau, Việt Nam và Mỹ đã đàm phán, thoả thuận với nhau kí kết Hiệp định Pari năm 1973 để chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

Việc kí kết Hiệp định Pari năm 1973 giữa Việt Nam và Mỹ là phù hợp với nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế? Vì sao?

b. Do tranh chấp lãnh thổ nên xung đột vũ trang đã nổ ra giữa hai nước N và nước U. Sau khi nổ ra vụ xung đột này, Liên hợp quốc đã thông qua nghị quyết kêu gọi chấm dứt xung đột giữa hai nước và nhấn mạnh sự cần thiết phải tuân thủ pháp luật quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc, nhất là các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.

1/ Em hãy cho biết, trong cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước N và U, những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế đã bị vi phạm? Vì sao?

2/ Để chấm dứt cuộc xung đột này, hai nước N và U cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế?

a) Mục tiêu.

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về các nội dung cơ bản của luật quốc tế

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc từng tình huống và trả lời câu hỏi cho từng tình huống

a. *Việc kí kết Hiệp định Pari năm 1973 giữa Việt Nam và Mỹ là phù hợp với nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế? Vì sao?*

b.1/ *Em hãy cho biết, trong cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước N và U, những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế đã bị vi phạm? Vì sao?*

2/ Để chấm dứt cuộc xung đột này, hai nước N và U cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế?

c) Sản phẩm.

a. Việc kí kết Hiệp định Pari năm 1973 giữa Việt Nam và Mỹ là phù hợp với nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình, bởi vì, đó là kết quả của quá trình đàm phán, thương lượng lâu dài giữa các bên tham chiến và dẫn đến việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

b. Cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước N và U là sự vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế là: nguyên tắc cấm dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế, nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình. Bởi vì, khi xung đột vũ trang hay chiến tranh xảy ra giữa hai nước này tức là hai nước đã dùng vũ lực mà không dùng biện pháp hoà bình để giải quyết tranh chấp với nhau.

Để chấm dứt cuộc xung đột này, hai nước N và U cần tuân thủ: Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình, nguyên tắc quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc, nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc từng tình huống và trả lời câu hỏi cho từng tình huống

a. Việc kí kết Hiệp định Pari năm 1973 giữa Việt Nam và Mỹ là phù hợp với nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế? Vì sao?

b.1/ Em hãy cho biết, trong cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước N và U, những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế đã bị vi phạm? Vì sao?

2/ Để chấm dứt cuộc xung đột này, hai nước N và U cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật quốc tế?

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được vai trò của luật quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề thế giới

Câu 4: Em hãy phân tích mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia được thể hiện qua thông tin dưới đây.

Công ước Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 18 – 12 – 1979. Việt Nam đã kí tham gia Công ước này vào ngày 29 – 7 – 1980 và phê chuẩn vào ngày 27 – 11 – 1981. Sau đó, Quốc hội đã ban hành Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 để nội luật hoá một số điều khoản nhằm thực hiện Công ước ở Việt Nam. Điều 3 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: “Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”.

a) Mục tiêu.

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về các nội dung cơ bản của luật quốc tế

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong bài tập số 4 để trả lời câu hỏi.

Em hãy phân tích mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia được thể hiện qua thông tin dưới đây.

c) Sản phẩm.

Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế. Cụ thể, các quy định trong Công ước Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) là cơ sở để xây dựng các quy định trong Luật Bình đẳng giới của nước ta, qua đó góp phần làm cho pháp luật Việt

Nam hoàn thiện hơn và bảo đảm cho luật của nước ta phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế. Luật quốc gia góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế vì việc nội luật hoá các quy định của Công ước CEDAW trong Luật Bình đẳng giới của Việt Nam góp phần mở rộng phạm vi điều chỉnh, tác động ảnh hưởng của Công ước CEDAW, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong bài tập số 4 để trả lời câu hỏi.

Em hãy phân tích mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia được thể hiện qua thông tin dưới đây.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được vai trò của luật quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề thế giới

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu về việc Việt Nam tham gia kí kết hay gia nhập một điều ước quốc tế hoặc kí kết điều ước quốc tế để thiết lập quan hệ với quốc gia khác và chia sẻ ý nghĩa của việc làm đó.

a) Mục tiêu. HS biết vận dụng những điều đã học để phân tích, đánh giá những vấn đề liên quan đến việc thực hiện luật

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu về việc Việt Nam tham gia kí kết hay gia nhập một điều ước quốc tế hoặc kí kết điều ước quốc tế để thiết lập quan hệ với quốc gia khác và chia sẻ ý nghĩa của việc làm đó.

c) Sản phẩm.

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề đã học để tìm hiểu và làm rõ vai trò của pháp luật quốc tế.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu về việc Việt Nam tham gia kí kết hay gia nhập một điều ước quốc tế hoặc kí kết điều ước quốc tế để thiết lập quan hệ với quốc gia khác và chia sẻ ý nghĩa của việc làm đó.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề đã học để tìm hiểu và làm rõ vai trò của pháp luật quốc tế.